

Số: **612** /BC-BCĐ.YTTH

Nhà Bè, ngày **05** tháng 5 năm 2022

BÁO CÁO
Công tác Y tế trường học năm học 2021-2022

Căn cứ Thông tư số 13/2016/TTLT-BYT-BGDĐT ngày 12 tháng 5 năm 2016 giữa Bộ Y tế và Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về công tác y tế trường học;

Căn cứ Công văn số 1825/SYT-SGDĐT ngày 21 tháng 3 năm 2022 của Sở Y tế, Sở Giáo dục và Đào tạo về việc đánh giá công tác y tế trường học năm học 2021-2022;

Căn cứ Kế hoạch số 2392/KH-BCĐ.YTTH ngày 01 tháng 12 năm 2021 của Ban chỉ đạo Y tế trường học huyện Nhà Bè về hoạt động y tế trường học năm học 2021-2022.

Ban Chỉ đạo Y tế trường học huyện Nhà Bè báo cáo công tác y tế trường học năm học 2021-2022 và phương hướng nhiệm vụ năm học 2022-2023 như sau:

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Dân số chung: 219.531 người. Số xã, thị trấn: 07 (thời điểm tháng 02/2022)

2. Số trường học, học sinh, giáo viên trên địa bàn

KHỐI	Số trường	Số lớp	Số học sinh	Số giáo viên	Số CB, GV, NV	Số trường có nhân viên YTTH	Nhân viên YTTH có trình độ từ Trung cấp Y sĩ trở lên
Mầm non	44	270	5.648	539	849	23	13
Tiểu học	15	438	15.464	581	742	13	10
THCS	8	220	9.505	316	404	8	5
THPT	3	91	3.878	200	232	3	3
Nhiều cấp	3	68	1.787	272	617	3	2
TT. GDNN-GDTX	1	4	101	8	11	0	0
Tổng cộng	74	1.091	36.383	1.916	2.855	50	33

Số trường học có hợp đồng với Trạm Y tế xã, thị trấn để thực hiện công tác Y tế trường học: 33/37 trường.

3. Kế hoạch năm của Huyện về y tế trường học: Có ☒ Không ☐

4. Số Trạm Y tế xã, thị trấn có kế hoạch năm về y tế trường học: 07 Trạm Y tế xã/thị trấn.

5. Số trường học có kế hoạch năm về y tế trường học: 74 trường.

6. Kinh phí dành cho công tác y tế trường học: 1.699.792.006 đồng, trong đó:

- Tại trường học: 1.692.792.006 đồng.

- Tại Trung tâm Y tế Huyện: 7.000.000 đồng.

7. Ban Chỉ đạo công tác y tế trường học hoặc Ban chăm sóc sức khỏe nhân dân có nhiệm vụ về y tế trường học: Có ☒ Không ☐

II. PHẦN TỔNG HỢP BÁO CÁO TỪ CÁC TRƯỜNG HỌC

1. Hoạt động quản lý, bảo vệ và chăm sóc sức khỏe học sinh

1.1. Phát hiện các dấu hiệu bất thường và yếu tố nguy cơ về sức khỏe

TT	Nguy cơ sức khỏe	Tổng số phát hiện	Xử trí, chuyển tuyến	Ghi chú
1	Tăng huyết áp	129	129	Một học sinh có thể mắc nhiều bệnh cùng lúc nên tổng số bệnh nhiều hơn tổng số học sinh được khám
2	Suy dinh dưỡng	2.416	2.416	
3	Thừa cân, béo phì	11.697	11.697	
4	Tim mạch	32	32	
5	Hô hấp	71	71	
6	Tiêu hóa	20	20	
7	Tiết niệu	29	29	
8	Tâm thần - thần kinh	20	20	
9	Bệnh về mắt	9.742	9.742	
10	Bệnh răng miệng	10.787	10.787	
11	Tai mũi họng	989	989	
12	Bệnh cơ xương khớp	90	90	
13	Khác (ghi rõ)	16	16	
Cộng		36.038	36.038	

Nhận xét các nguy cơ sức khỏe theo các cấp học:

- Trẻ sau khi khám phát hiện bị suy dinh dưỡng, thiếu cân, béo phì, thừa cân: Lập danh sách riêng biệt. Nhà trường cần phối hợp với phụ huynh trao đổi can thiệp về suất ăn hàng ngày tại nhà và trong khẩu phần ăn trong nhà trường (đối

với học sinh bán trú); tăng cường vận động tại trường đối với trẻ thừa cân, béo phì; cân, đo chiều cao định kỳ theo quy định hiện hành.

- Số trẻ bị sâu răng còn nhiều, nhân viên y tế trường học cần hướng dẫn trẻ chải răng đúng cách, chải răng sau khi ăn và trước khi đi ngủ trưa, tối.

- Đối với các nhóm bệnh khác: Nhân viên y tế trường học tham mưu cho Ban Giám hiệu, giáo viên chủ nhiệm lập sổ theo dõi học sinh mắc bệnh theo từng nhóm riêng biệt. Vận động phụ huynh đưa các cháu khám và điều trị sau khám sức khỏe sàng lọc đầu năm học.

1.2. Khám, điều trị các bệnh theo chuyên khoa

TT	Tên chuyên khoa	Tổng số khám	Tổng số mắc	Tổng số được điều trị
1.	Nhi khoa/nội khoa	34.730	14.414	14.414
2.	Mắt	34.730	9.742	9.742
3.	Răng- Hàm- Mặt	34.730	10.787	10.787
4.	Tai-Mũi-Họng	34.730	989	989
5.	Cơ xương khớp	34.730	90	90
6.	Khác	34.730	16	16
Cộng			36.038	36.038

Nhận xét: Đối với các nhóm bệnh chuyên khoa, nhân viên y tế trường học tham mưu cho Ban Giám hiệu, giáo viên chủ nhiệm vận động phụ huynh cho học sinh đi khám chuyên khoa để có hướng điều trị kịp thời.

1.3. Sơ cứu, cấp cứu tai nạn thương tích

TT	Loại tai nạn thương tích	Tổng số mắc	Xử trí, chuyển tuyến	
			Xử lý tại chỗ	Chuyển tuyến
1	Trượt, ngã	31	31	0
2	Bỏng	0		
3	Đuối nước	0		
4	Điện giật	0		
5	Súc vật cắn	0		
6	Ngộ độc	0		
7	Hóc dị vật	0		
8	Cắt vào tay chân	0		
9	Bị đánh	0		
10	Tai nạn giao thông	0		
11	Khác (<i>ghi rõ</i>)	0		
Cộng		31	31	0

Nhận xét: Đối với chấn thương trượt, ngã chủ yếu là vết thương phần mềm, xây xát ngoài da, nhân viên y tế trường học tự xử lý hoặc chuyển qua Trạm Y tế xã, thị trấn xử lý.

1.4. Tình hình dịch, bệnh truyền nhiễm

TT	Tên dịch bệnh	Tổng số mắc	Số tử vong	Ghi chú
1	Tiêu chảy	0	0	
2	Tay chân miệng	266	0	Số liệu 2021
3	Sởi	3	0	
4	Quai bị	0	0	
5	Thủy đậu	4	0	
6	Sốt xuất huyết	200	0	Số liệu 2021
7	Covid-19	6.566	0	
Cộng		7.039	0	

Nhận xét:

- Phối hợp rất tốt trong công tác phòng, chống dịch bệnh giữa Trung tâm Y tế, Phòng Giáo dục và Đào tạo với Ban Giám hiệu, Trạm Y tế.

- Đa số các trường đều có thành lập Ban Chỉ đạo phòng, chống dịch bệnh, có phân công, phân nhiệm cụ thể cho thành viên để kịp thời xử lý khi có dịch bệnh xảy ra.

- Có triển khai các hoạt động truyền thông phòng, chống bệnh Tay chân miệng, sốt xuất huyết, Zika, Covid-19,... bố trí nước sạch, xà phòng rửa tay, vệ sinh khử khuẩn hàng ngày lớp học, đồ chơi vật dụng học cụ, nhà vệ sinh chung bằng Javel.

- Các trường lập sổ theo dõi bé nghỉ học hàng ngày tại mỗi lớp, nhân viên tế trường tổng hợp phân loại phát hiện các trường hợp nghỉ do bệnh truyền nhiễm và báo Trạm Y tế, Trung tâm Y tế khi có ca bệnh để cử cán bộ đến trường hỗ trợ, hướng dẫn điều tra dịch, các biện pháp vệ sinh khử khuẩn trang thiết bị, đồ chơi của trẻ, vệ sinh môi trường khuôn viên trường học, lớp học, không để tình trạng dịch bệnh lây lan trong trường học.

- Ban Giám hiệu trường học nhắc nhở giáo viên, bảo mẫu phải nắm vững các triệu chứng mô tả bệnh Tay chân miệng, Sốt xuất huyết, Covid-19,... quy tắc pha Chloramine B, Javel diệt khuẩn khi trường không có ca dịch hoặc xảy ra ca dịch truyền nhiễm.

- Đa số trường công lập thực hiện tốt công tác phòng, chống dịch bệnh.

1.5. Hoạt động tư vấn sức khỏe

TT	Nội dung tư vấn	Tổng số đối tượng nguy cơ	Số học sinh được tư vấn	
			Tại trường	Tại TYT xã
1.	Dinh dưỡng hợp lý	3.982	3.982	0
2.	Hoạt động thể lực	3.982	3.982	0
3.	Tâm sinh lý	13	13	0
4.	Phòng chống bệnh tật	7.911	7.911	0
5.	PC bệnh tật học đường	7.911	7.911	0

6.	Sức khỏe tâm thần	0	0	0
7.	Khác (ghi rõ)	0	0	0
	Tổng cộng	23.799	23.799	0

Nhận xét:

- Các trường đã triển khai thực hiện kế hoạch theo từng tháng với từng chuyên đề bắt buộc, thực hiện bằng Truyền thông Giáo dục Sức khỏe và sử dụng hiệu quả các tài liệu truyền thông trong các buổi nói chuyện trực tiếp; lồng ghép các vấn đề sức khỏe vào các buổi sinh hoạt dưới cờ, các buổi họp Hội đồng Sư phạm.

- Hiện nay, công tác tư vấn, tham vấn tâm lý học đường chưa được quan tâm nên hầu hết các trường chưa có không gian tư vấn, tham vấn riêng biệt cũng như chưa có chuyên viên tư vấn, tham vấn tâm lý học đường.

1.6. Tổ chức bữa ăn học đường

- Số trường có tổ chức bán trú: 72/74 trường.

- Số trường có xây dựng thực đơn bảo đảm dinh dưỡng hợp lý: 72/72 trường.

Nhận xét:

- Được sự phối hợp chặt chẽ giữa ngành Y tế với ngành Giáo dục và Đào tạo Huyện nên công tác đảm bảo an toàn thực phẩm tại các bếp ăn tập thể, căn tin trường học ngày càng được hoàn thiện.

- Ban Giám hiệu các trường học chú trọng nguồn gốc, xuất xứ thực phẩm bằng việc mua nguyên liệu thực phẩm có làm hợp đồng mua bán, hồ sơ an toàn thực phẩm đầy đủ.

- Thực hiện khám sức khỏe theo quy định và tập huấn xác nhận kiến thức về an toàn thực phẩm cho các nhân viên tiếp xúc với thực phẩm.

- Điều kiện trang thiết bị, dụng cụ nhà bếp, nhà ăn đảm bảo điều kiện vệ sinh, an toàn thực phẩm theo quy định.

- Tiếp tục tăng cường thực hiện tốt các quy định về An toàn thực phẩm, nâng cao công tác phòng, chống ngộ độc thực phẩm trong trường học; xử lý kịp thời các bếp ăn tập thể, căn tin, suất ăn sẵn trong trường học không thực hiện đúng các quy định hiện hành về an toàn thực phẩm.

1.7. Tiêm chủng phòng bệnh trong các chiến dịch tại trường

TT	Loại vắc xin	Tổng số học sinh	Số học sinh được tiêm	Tỷ lệ %	Ghi chú
1	Pfizer	11.688	11.523	98.59	Mũi 1 (Học sinh 12T-17T)
2	Pfizer	11.688	11.221	96.00	Mũi 2 (Học sinh 12T-17T)

* Tỷ lệ % = Số học sinh được tiêm chủng đầy đủ x 100/tổng số đối tượng học sinh cần tiêm chủng.

Nhận xét: Năm học 2021-2022, Trung tâm Y tế Huyện phối hợp với Phòng Giáo dục và Đào tạo, Ban Giám hiệu các trường trung học cơ sở, trung học phổ thông trên địa bàn Huyện nên công tác tiêm chủng đạt được kết quả tốt và an toàn tiêm chủng. Trẻ từ 5 tuổi đến dưới 12 tuổi đang thực hiện tiêm chủng theo chiến dịch và tiến độ của Thành phố.

1.8. Quản lý sổ theo dõi sức khỏe học sinh

- Tổng số học sinh có sổ theo dõi sức khỏe: 36.383 học sinh.

- Tổng số học sinh được thông báo về tình trạng sức khỏe cho gia đình/người giám hộ: 34.730 học sinh.

Nhận xét: 100% các học sinh các cấp đều có sổ khám sức khỏe định kỳ đúng theo mẫu hướng dẫn của Thông tư liên tịch số 13/2016/TTLT-BYT-BGDDT.

- Số còn học sinh còn lại không được khám nguyên nhân do: Nhà trường đăng ký khám từ 1 đến 2 ngày tại phòng khám hoặc bệnh viện như: Bệnh viện 7A, Bệnh viện Nhà Bè, Phòng khám Nhơn Tâm,... nên những học sinh nghỉ học do bị bệnh hoặc về quê không được khám.

1.9. Triển khai các chương trình y tế và phong trào vệ sinh phòng bệnh tại các trường học trên địa bàn

TT	Nội dung	Số trường thực hiện	Ghi chú
1	Phòng chống HIV/AIDS	30/30	44 trường MN
2	Phòng chống tai nạn thương tích	74/74	
3	Phòng chống dịch bệnh truyền nhiễm	74/74	
4	Phòng chống suy dinh dưỡng	74/74	
5	An toàn thực phẩm	73/73	Trung tâm GDNN-GDTX không có bếp và căn tin
6	Phòng chống thuốc lá	74/74	
7	Phòng chống rượu bia	74/74	
8	Xây dựng trường học nâng cao sức khỏe	74/74	

Nhận xét: Các chương trình được triển khai rất tốt cho tất cả các trường, riêng chương trình HIV/AIDS áp dụng trường tiểu học, trung học cơ sở, trung học phổ thông; chương trình phòng, chống tác hại thuốc lá, phòng, chống rượu bia áp dụng cho trường trung học cơ sở, trung học phổ thông.

1.10. Kết quả chủ động triển khai các biện pháp vệ sinh phòng bệnh tại các trường học trên địa bàn

TT	Nội dung	Số lượt	Ghi chú
1	Tổng vệ sinh trường lớp	Hàng tuần	
2	Phun hóa chất diệt côn trùng	Đầu năm học	Khi có dịch
3	Vệ sinh khử trùng đồ chơi, đồ dùng học tập	Hàng tuần	
4	Vệ sinh nhà ăn, nhà bếp	Hàng ngày	
5	Vệ sinh nguồn nước	Hàng quý	
6	Thu gom, xử lý rác thải	Hàng ngày	
7	Khác (ghi rõ)	0	

Nhận xét: Hiện tại, còn một số trường chưa có hợp đồng thu gom rác thải sinh hoạt, chất thải rắn nguy hại như bóng đèn huỳnh quang, hộp mực in, pin thải liên hệ với Công ty TNHH MTV dịch vụ công ích huyện Nhà Bè để thực hiện xử lý rác theo quy định.

1.11. Hoạt động truyền thông giáo dục sức khỏe

- Số trường có biên soạn tài liệu, nội dung truyền thông phù hợp với tình hình dịch bệnh của địa phương: 74 trường.

- Số trường có góc truyền thông giáo dục sức khỏe: 74 trường.

Tổ chức truyền thông, giáo dục sức khỏe:

TT	Nội dung	Số lượt	Số người	Ghi chú
1	Phòng, chống dịch, bệnh truyền nhiễm	320	67.110	
2	Phòng, chống ngộ độc thực phẩm	58	21.372	
3	Dinh dưỡng hợp lý	74	32.403	
4	Hoạt động thể lực nâng cao sức khỏe	74	24.045	
5	Phòng, chống tác hại thuốc lá	18	8.366	
6	Phòng, chống tác hại rượu bia	15	7.425	
7	Phòng, chống bệnh, tật học đường	39	7.911	
8	Chăm sóc răng miệng	51	17.875	
9	Phòng, chống các bệnh về mắt	74	16.449	
10	Phòng, chống tai nạn thương tích	74	12.352	
11	Khác (ghi rõ)	0	0	

Nhận xét: Phòng Truyền thông Giáo dục Sức khỏe Trung tâm Y tế Huyện phối hợp với Phòng Giáo dục và Đào tạo, Khoa Kiểm soát Bệnh tật, Khoa Y tế công cộng, Khoa Tham vấn hỗ trợ cộng đồng, Khoa An toàn thực phẩm Trung tâm Y tế Huyện đã xây dựng và triển khai kế hoạch tập huấn nhằm cập nhật các kiến thức mới về Thông tư số 13/2016/TTLT-BYT-BGDDT ban hành ngày 12 tháng 5

năm 2016 trong trường học cho Đại diện Ban Giám hiệu trên địa bàn huyện Nhà Bè.

- Tiếp nhận và phân phối tài liệu tuyên truyền do các đơn vị chỉ đạo tuyên trên cung cấp cho các trường. Thực hiện theo hướng dẫn của Thông tư liên Sở 8898/LT-YT-GDDT ngày 09 tháng 9 năm 2016, đã có 74 trường đã xây dựng hoàn chỉnh kế hoạch Truyền thông Giáo dục Sức khỏe năm học 2021-2022 theo đúng định hướng của ngành Y tế và ngành Giáo dục và Đào tạo chiếm tỉ lệ 100%.

1.12. Bảo đảm điều kiện chăm sóc sức khỏe

TT	Nội dung	Số trường	Số trường đạt	Ghi chú
1	Trường có phòng y tế trường học	74	70	
2	Trường có phòng y tế có đủ điều kiện chăm sóc sức khỏe học sinh	74	68	
3	Trường có nhân viên y tế trường học	74	50	
4	Trường có sổ khám bệnh	74	74	
5	Trường có sổ theo dõi sức khỏe học sinh	74	73	
6	Trường có sổ theo dõi tổng hợp tình trạng sức khỏe học sinh	74	70	

Nhận xét: Đa số các trường học đều bố trí phòng y tế, có đủ điều kiện chăm sóc sức khỏe học sinh theo quy định hiện hành.

- Số trường có nhân viên y tế trường học là 50/74, tỉ lệ: 67,57%; kiêm nhiệm: 24/74, tỉ lệ: 32,43%.

- Số trường có nhân viên y tế trình độ từ Trung cấp Y sĩ trở lên: 33/74, tỉ lệ: 44,59%.

- Số trường học chưa có nhân viên y tế hoặc nhân viên y tế có trình độ chuyên môn chưa đạt chuẩn có hợp đồng với Trạm Y tế xã, thị trấn về hỗ trợ chuyên môn chăm sóc sức khỏe học sinh trên địa bàn: 37/41, tỉ lệ: 90,24%.

- Số trường học chưa có nhân viên y tế hoặc nhân viên y tế có trình độ chuyên môn chưa đạt chuẩn chưa hợp đồng với Trạm Y tế xã, thị trấn về hỗ trợ chuyên môn chăm sóc sức khỏe học sinh trên địa bàn: 04/41, tỉ lệ: 9,76%.

1.13. Bảo đảm các điều kiện về cơ sở vật chất, cấp thoát nước, vệ sinh môi trường, an toàn thực phẩm theo quy định

TT	Nội dung	Tổng số trường	Số trường đạt	Ghi chú
1	Điều kiện về phòng học	74	68	
2	Điều kiện về bàn ghế	74	68	
3	Điều kiện về bảng phòng	74	68	

	học			
4	Điều kiện về chiếu sáng	74	73	
5	Điều kiện về thiết bị, đồ chơi trẻ em	74	44	
6	Điều kiện về nước ăn uống	74	74	
7	Điều kiện về nước sinh hoạt	74	74	
8	Điều kiện về công trình vệ sinh	74	53	
9	Điều kiện về thu gom, xử lý chất thải	74	55	<i>Thiếu 1 trong các hợp đồng: rác thải sinh hoạt, rác y tế, rác nguy hại là không đạt</i>
10	Điều kiện về an toàn thực phẩm	73	65	<i>Trung tâm GDNN-GDTX không có bếp và căn tin</i>

Nhận xét: Vẫn còn một số trường chưa đủ điều kiện đúng theo quy định.

1.14. Bảo đảm môi trường thực thi chính sách và xây dựng các mối quan hệ xã hội trong trường học, liên kết cộng đồng

TT	Nội dung	Số lượng	Ghi chú
1	Trường có Ban Chăm sóc sức khỏe học sinh có phân công trách nhiệm cụ thể cho các thành viên và tổ chức họp tối thiểu 01 lần/học kỳ.	74	
2	Trường có các quy định để thực hiện các chính sách, chế độ chăm sóc sức khỏe HS.	74	
3	Trường có xây dựng mối quan hệ tốt giữa thầy cô giáo với học sinh và học sinh với học sinh.	74	
4	Trường có xây dựng mối liên hệ giữa nhà trường với gia đình và cộng đồng trong chăm sóc sức khỏe học sinh để giúp đỡ, hỗ trợ.	74	

Nhận xét: Thực hiện tốt bảo đảm môi trường thực thi chính sách và xây dựng mối quan hệ xã hội trong trường học, liên kết cộng đồng.

2. Kinh phí dành cho công tác Y tế trường học

TT	Nội dung	Số tiền (đồng)	Ghi chú
1	Tổng số kinh phí	1.692.792.006	
2	Nguồn Ngân sách nhà nước	158.730.179	
3	Nguồn bảo hiểm y tế học sinh	1.097.630.133	
4	Nguồn kinh phí khác	436.431.694	

Nhận xét: Thực hiện đúng quy định.

3. Đánh giá công tác Y tế trường học

Đánh giá kết quả thực hiện công tác Y tế trường học theo mẫu quy định tại Thông tư liên tịch số 13/TTLT-BYT-BGDĐT ngày 12 tháng 5 năm 2016:

Đơn vị đánh giá	Số trường	Xếp loại			Ghi nhớ
		Tốt	Khá	Trung bình	
Nhà trường tự đánh giá	74	54	17	3	
Cơ quan quản lý đánh giá	74	54	17	3	

Nhận xét: Các trường đạt loại Khá, Trung bình đều thuộc khối ngoài công lập

- Xếp loại Khá: MNTT Bầu Trời Xanh, MNTT Bé Vui, MNTT Hoàng Anh, MNTT Mầm Xanh, MNTT Thiên Thần Nhỏ, MNTT Tuổi Thần Tiên, MNTT Thái Hoàng Gia, MNTT Bam Bi, MNTT Cầu Vồng 1, MNTT Tuổi Thơ, MNTT Sao Việt, MNTT Thái Hoàng Gia 2, MNTT Chú Ong Nhỏ, MNTT Ánh Sao, MNTT Phần Lan Nhỏ, TH Nguyễn Hồng Thế, TH-THCS Ánh Sao.

- Xếp loại Trung bình: MNTT Bé Xinh, MNTT Tinh Hoa, MNTT Hoa Anh Đào Nhỏ.

III. PHÂN BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG Y TẾ TRƯỜNG HỌC DO CƠ QUAN Y TẾ ĐỊA PHƯƠNG THỰC HIỆN

1. Tổng hợp hoạt động y tế trường học của các Trạm Y tế xã, thị trấn

1.1. Hỗ trợ chuyên môn kỹ thuật cho các trường triển khai công tác y tế trường học

TT	Nội dung	TS trường	Số học sinh
1	Kiểm tra sức khỏe học sinh đầu năm học	74	36.383
2	Theo dõi tăng trưởng, phát triển của học sinh	74	36.383
3	Phát hiện các nguy cơ sức khỏe và bệnh tật của HS	74	17.989
4	Khám và điều trị theo các chuyên khoa cho học sinh	74	16.260
5	Sơ cấp cứu	74	74
6	Tư vấn sức khỏe cho học sinh	74	74
7	Tổ chức bữa ăn học đường, bảo đảm dinh dưỡng hợp lý	72	20.168
8	Quản lý và theo dõi sức khỏe học sinh	74	36.383
9	Kiểm tra, giám sát điều kiện vệ sinh trường học	74	36.383
10	Triển khai các biện pháp phòng chống dịch bệnh và an toàn thực phẩm	74	36.383
11	Triển khai các chương trình y tế và vệ sinh phòng bệnh	74	36.383
12	Biên soạn tài liệu truyền thông	74	36.383
13	Tổ chức hoạt động truyền thông	74	36.383
14	Hỗ trợ giáo dục thay đổi hành vi, lối sống	74	36.383

15	Thống kê báo cáo về y tế trường học	74	36.383
16	Đánh giá hoạt động y tế trường học	74	36.383
17	Xây dựng kế hoạch về y tế trường học	74	36.383
18	Hỗ trợ môi trường thực thi chính sách và các mối quan hệ xã hội trong trường học, liên kết cộng đồng	74	36.383

** Trường THPT Long Thới và Trung tâm GDNN-GDTX không có bếp ăn*

Nhận xét: Công tác hỗ trợ chuyên môn kỹ thuật cho các trường triển khai công tác Y tế trường học được duy trì nhiều năm liên tục giữa ngành Y tế và Phòng Giáo dục và Đào tạo địa phương, nòng cốt là Phòng Truyền thông và Giáo dục sức khỏe (T₃G), Khoa Y tế công cộng của Trung tâm Y tế huyện Nhà Bè.

1.2. Kiểm tra, giám sát việc thực hiện công tác Y tế trường học

TT	Nội dung kiểm tra	Số trường	Số trường đạt	Ghi chú
1	Điều kiện về phòng học, bàn ghế, bảng viết, chiếu sáng, đồ chơi	74	68	Chiếu sáng: 73/74 Đồ chơi: 44/74
2	Điều kiện cấp thoát nước, vệ sinh môi trường	74	74	Nước uống, nước sinh hoạt, hệ thống thoát nước
3	Điều kiện về an toàn thực phẩm	73	65	Trung tâm GDNN-GDTX không có bếp và căn tin
4	Hoạt động quản lý, bảo vệ, chăm sóc sức khỏe học sinh	74	59	13 trường chưa tổ chức khám sức khỏe cho HS
5	Công tác phòng chống dịch bệnh, triển khai các chương trình y tế trong trường học	74	74	
6	Hoạt động truyền thông, giáo dục sức khỏe	74	74	

Nhận xét: Trung tâm Y tế phối hợp Phòng Giáo dục và Đào tạo xây dựng kế hoạch kiểm tra giám sát việc thực hiện công tác y tế trường học tại các trường trên địa bàn Huyện.

2. Hoạt động của Trung tâm Y tế Huyện

2.1. Công tác chỉ đạo

- Các văn bản chỉ đạo về Công tác bảo vệ chăm sóc sức khỏe học sinh trong nhà trường: Có ☒ Không ☐

- Phối hợp với ngành Giáo dục tổ chức triển khai hoạt động y tế trường học trên địa bàn: Có ☒ Không ☐

2.2. Đào tạo tập huấn chuyên môn nghiệp vụ về y tế trường học

TT	Nội dung	Số lớp	Đối tượng	Số người
1	Phòng lây nhiễm HIV-AIDS	2	BGH, nhân viên YTTH, giáo viên	400
2	Ma túy trong học đường, phòng chống bệnh truyền nhiễm	2	BGH, nhân viên YTTH, giáo viên	400
3	Vệ sinh an toàn thực phẩm	2	BGH, nhân viên YTTH, nhân viên căn tin	400
4	Thực hành kỹ năng nói chuyện sức khỏe trong trường học	2	Nhân viên YTTH	60
5	Dinh dưỡng học đường	2	Nhân viên YTTH, giáo viên	400
6	Bồi dưỡng kiến thức ATTP	2	Nhân viên YTTH, giáo viên	400
7	Bạch hầu, ho gà, uốn ván (Td)	1	Nhân viên YTTH	74
8	IPV (Bại liệt)	1	Nhân viên YTTH	74
9	Nước và môi trường	1	Nhân viên YTTH	74
10	Vệ sinh trường học	1	Nhân viên YTTH	74

Nhận xét: Triển khai tập huấn hằng năm về công tác trường học theo Thông tư số 13/2016/TTLT-BGDĐT về công tác Y tế trường học. Trung tâm Y tế huyện Nhà Bè phối hợp Phòng Giáo dục và Đào tạo tổ chức tập huấn 04 buổi.

2.3. Truyền thông giáo dục sức khỏe, tư vấn sức khỏe

TT	Nội dung và đối tượng	Hình thức	Số lượt	Số lượng
1	Thủy đậu	Nói chuyện sức khỏe	19	11.113
2	Tai nạn thương tích	Nói chuyện sức khỏe	58	12.352
3	Sốt xuất huyết	Nói chuyện sức khỏe	45	9.136
4	Tay chân miệng	Nói chuyện sức khỏe	35	13.621
5	Phòng, chống bệnh Covid-19	Nói chuyện sức khỏe	37	12.898
6	Xâm hại tình dục	Nói chuyện sức khỏe	9	5.729
7	Chăm sóc răng miệng	Nói chuyện sức khỏe	51	17.875
8	HIV	Nói chuyện sức khỏe	21	17.911
9	Sởi	Nói chuyện sức khỏe	15	7.210
10	Bạch hầu, Ho gà, uốn ván	Nói chuyện sức khỏe	17	6.989

Nhận xét: Phòng Truyền thông giáo dục sức khỏe phối hợp với các Khoa, Phòng, Phòng Giáo dục và Đào tạo, Hiệu trưởng các trường thường xuyên tổ chức truyền thông dưới cờ đầu tuần, nói chuyện chuyên đề.

2.4. Hỗ trợ về chuyên môn nghiệp vụ về Y tế trường học

TT	Nội dung	Số lượt	Số người	Ghi chú
1	Khám và điều trị theo các chuyên khoa cho học sinh	60	34.730	
2	Triển khai các chương trình y tế trong trường học	02	400	
3	Triển khai các phong trào vệ sinh phòng bệnh và nâng cao sức khỏe	02	400	

Nhận xét: Khám sức khỏe định kỳ hàng năm, cán bộ Y tế trường học sẽ sàng lọc lại những bệnh lý để quản lý và thông báo về cho phụ huynh biết về bệnh tật của trẻ và đề nghị khám theo chuyên khoa và điều trị kịp thời.

2.5. Kiểm tra, giám sát, đánh giá

T T	Nội dung kiểm tra	Số trường	Số trường đạt	Ghi chú
1	Điều kiện về phòng học, bàn ghế, bảng viết, chiếu sáng, đồ chơi	44	44	Đồ chơi 44/44 (Mầm non)
2	Điều kiện cấp thoát nước, VSMT	74	74	
3	Điều kiện về an toàn thực phẩm	73	65	Trung tâm GDNN-GDTX không có bếp và căn tin
4	Hoạt động quản lý, bảo vệ, chăm sóc sức khỏe học sinh	74	74	
5	Công tác phòng chống dịch bệnh, triển khai các chương trình Y tế trong trường học	74	74	
6	Hoạt động truyền thông, giáo dục sức khỏe	74	74	
7	Đánh giá công tác Y tế trường học	74	74	

Nhận xét: Trung tâm Y tế Huyện phối hợp với Phòng Y tế, Phòng Giáo dục và Đào tạo kiểm tra giám sát về công tác y tế trường học hàng năm. Kết quả kiểm tra, giám sát hầu hết các trường thực hiện tốt các nội dung của chương trình. Các trường cố gắng nâng cấp kang trang, khuôn viên rộng rãi, tăng cường cây xanh tạo bóng mát cho học sinh học tập và vui chơi.

IV. NHẬN XÉT CHUNG

1. Ưu điểm

- Lãnh đạo huyện Nhà Bè, các ban ngành đoàn thể địa phương, Ban Chỉ đạo Y tế trường học (do Phó Chủ tịch UBND huyện Nhà Bè làm Trưởng ban) đã quan tâm chỉ đạo, tổ chức phối hợp thực hiện tốt nhiệm vụ y tế trường học.

- Các trường quan tâm và thực hiện đầy đủ các nhiệm vụ về chăm sóc sức khỏe cho học sinh, công tác Y tế trong trường học; điều kiện học tập và vệ sinh môi trường trong trường học mỗi năm luôn được cải thiện.

- Các chương trình Truyền thông giáo dục sức khỏe phòng, chống các bệnh học đường như: Nha học đường, mắt học đường, dinh dưỡng, phòng, chống HIV, phòng, chống dịch bệnh trong trường học được đặc biệt quan tâm và đẩy mạnh.

- Phòng Giáo dục và Đào tạo Huyện đã triển khai đến các trường những nội dung chỉ đạo, hướng dẫn của Sở Giáo dục và Đào tạo, Sở Y tế, Ban Chỉ đạo Y tế trường học huyện Nhà Bè về công tác y tế và an toàn trường học năm học 2021-2022.

- Về cơ bản các trường thực hiện khá nghiêm túc các nội dung đã được hướng dẫn về công tác y tế và an toàn trường học.

- Tình hình dịch bệnh được Trung tâm Y tế Huyện, Phòng Giáo dục và Đào tạo, Ban Giám hiệu phối hợp kiểm soát, phòng, chống hiệu quả.

- Công tác đảm bảo An toàn thực phẩm được chú trọng. Trong năm học 2021-2022 không có trường hợp ngộ độc thực phẩm tập thể xảy ra trong nhà trường.

2. Hạn chế, khó khăn

- Một số trường do tình hình học sinh đi học lại sau dịch Covid-19 chưa đều, số lượng ít nên chưa tổ chức khám sức khỏe cho học sinh.

- Một số trường mầm non tư thục chưa thực hiện hợp đồng rác thải y tế, rác thải nguy hại; bố trí thiết bị tại bếp ăn để đảm bảo điều kiện an toàn thực phẩm.

3. Kiến nghị

Thành phố tiếp tục duy trì chính sách đãi ngộ đối với nhân viên Y tế trường học.

V. PHƯƠNG HƯỚNG NHIỆM VỤ NĂM HỌC 2022-2023

- Tiếp tục chỉ đạo các trường học thực hiện đầy đủ các chương trình, nhiệm vụ theo kế hoạch năm học 2022-2023 của Ban Chỉ đạo Y tế trường học Huyện, phấn đấu hoàn thành chỉ tiêu kế hoạch theo quy định.

- Các trường mầm non, phổ thông và Trung tâm GDNN-GDTX cần:

- + Tiếp tục làm tốt nhiệm vụ y tế trường học, thực hiện đầy đủ các nhiệm vụ về chăm sóc sức khỏe cho học sinh, điều kiện học tập và vệ sinh môi trường.

- + Thực hiện các chương trình Truyền thông giáo dục sức khỏe phòng, chống các bệnh học đường như: Nha học đường, mắt học đường, dinh dưỡng, phòng chống HIV/AIDS, phòng, chống dịch bệnh trong trường học.

- + Liên hệ Công ty TNHH MTV Dịch vụ Công ích Nhà Bè để được hướng dẫn về hợp đồng rác thải sinh hoạt và việc xử lý rác nguy hại trong nhà trường.

+ Tăng cường công tác quản lý, kiểm tra, theo dõi tình hình thực hiện tại đơn vị về công tác y tế và an toàn trường học; nghiêm túc tổ chức khám sức khỏe cho học sinh theo chỉ đạo của Sở Giáo dục và Đào tạo.

+ Đầu tư trang thiết bị, cải tạo cơ sở vật chất ngày càng hoàn thiện hơn. Cần có phương án để tăng cường diện tích sân chơi cho các trường.

+ Hợp đồng cung cấp suất ăn công nghiệp phải bố trí được phòng riêng có bếp hâm nóng và phân chia thức ăn cho học sinh.

+ Quan tâm công tác tư vấn, tham vấn tâm lý học đường trong trường học.

+ Trường có hồ bơi cần liên hệ Liên đoàn Thể dục Thể thao dưới nước Thành phố Hồ Chí Minh, Trung tâm kiểm soát bệnh tật Thành phố để được hướng dẫn thủ tục xin cấp giấy chứng nhận “An toàn hồ bơi” trong nhà trường.

Trên đây là Báo cáo công tác Y tế trường học năm học 2021-2022, Ban Chỉ đạo Y tế trường học huyện Nhà Bè đề nghị Hiệu trưởng các trường mầm non, tiểu học, trung học cơ sở, trung học phổ thông, trường nhiều cấp và Giám đốc Trung tâm GDNN-GDTX Huyện quan tâm chỉ đạo rút kinh nghiệm, khắc phục các hạn chế sau kiểm tra, hoàn chỉnh các nội dung theo chương trình Y tế trường học đúng quy định./.

Nơi nhận:

- Sở Giáo dục và Đào tạo;
- Sở Y tế;
- BCD.YTTH cấp Huyện;
- Hiệu trưởng trường MN, PT;
- Giám đốc TT.GDNN-GDTX;
- Lưu: VT.

TM. BAN CHỈ ĐẠO Y TẾ TRƯỜNG HỌC
PHÓ TRƯỞNG BAN



TRƯỞNG PHÒNG GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
Lê Thị Oanh

